

K, ngày 28 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA T CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 18 tháng 3 năm 2022 về việc các đương sự thỏa T được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 374/2021/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa T của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa T giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa T đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa T của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1985

HKTT: Tổ dân phố D, thị trấn U, huyện K, Thành phố Hà Nội

Nơi ở hiện nay: Phòng xxx, nhà XXX, KĐT XXX, xã XXX, huyện K, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1992

- Anh Vũ Công T, sinh năm 1997

Địa chỉ liên hệ: Tầng 5, tòa nhà V Tower, số 200 T, quận M, Thành phố Hà Nội

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Anh Phan Công Tiến, sinh năm 1992

Địa chỉ liên hệ: Tầng 5, tòa nhà V Tower, số 200 T, quận M, Thành phố Hà Nội

Bị đơn: Anh Trần Hữu K, sinh năm 1985

HKTT và nơi ở hiện nay: Tổ dân phố D, thị trấn U, huyện K, Thành phố Hà Nội

2. Sự thỏa T của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tài sản chung vợ chồng:

Các đương sự thống nhất xác nhận tài sản chung của chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Hữu K gồm: 01 Căn hộ chung cư số xxx thuộc tầng 12, diện tích sàn 69,9m² thuộc nhà A1-D1, Tòa D1, Khu đô thị mới XXX, xã XXX, huyện K, Thành phố Hà Nội và toàn bộ nội thất bên trong căn hộ này. Giá trị căn hộ chung cư nêu trên là 775.000.000 đồng. Giá trị các tài sản là nội thất bên trong căn hộ nêu trên là 19.263.000 đồng. Tổng giá trị tài sản chung vợ chồng gồm căn hộ chung cư và toàn bộ nội thất bên trong căn hộ là 794.263.000 đồng. Ngoài ra anh K và chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng nào khác.

2.2. Về thỏa T chia tài sản chung vợ chồng:

Chị Nguyễn Thị Ngọc T và anh Trần Hữu K thống nhất chị T thanh toán cho anh K số tiền là 397.131.500 đồng tương ứng với một nửa giá trị tài sản chung vợ chồng gồm căn hộ chung cư và toàn bộ nội thất bên trong căn hộ. Chị T được toàn quyền sở hữu căn hộ và toàn bộ nội thất bên trong căn hộ trên. Chị Nguyễn Thị Ngọc T có quyền kê khai đăng ký quyền sở hữu căn hộ chung cư số xxx thuộc tầng 12, diện tích sàn 69,9m² thuộc nhà A1-D1, Tòa D1, Khu đô thị mới XXX, xã XXX, huyện K, Thành phố Hà Nội mang tên một mình chị Nguyễn Thị Ngọc T tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định pháp luật. Anh Trần Hữu K có trách nhiệm bàn giao lại cho chị T toàn bộ hồ sơ giấy tờ bản gốc liên quan tới căn hộ chung cư nêu trên và hỗ trợ chị T làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sở hữu căn hộ chung cư nêu trên theo quy định pháp luật nhưng không kèm theo điều kiện nào khác.

2.3. Về án phí:

- Về án phí: Anh Trần Hữu K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.928.288 đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 9.928.288 đồng nhưng chị T được giảm 4.964.144 đồng án phí. Chị T đã nộp 14.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2020/0072886 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K. Hoàn trả lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T 9.035.856 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Viết Tuấn